TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 57/2017/DS-PT
Ngày 01 - 8 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều
Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Diễm Lệ.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2017/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1950. (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn S và bà Trần Thị M: Luật sư Nguyễn Thị F, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị F – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1962
Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn B – Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Trần Văn C, sinh năm 1951. (vắng mặt)

2/. Bà Nguyễn Mỹ X, sinh năm 1953. (vắng mặt)

3/. Ông Trần Văn P, sinh năm 1960. (có mặt)

4/. Chị Dương Hồng H, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

5/. Bà Trần Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6/. Ngân hàng N Việt Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Trụ sở chính số 02, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh Y – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

7/. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh I – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị T, sinh năm 1962.

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Năm 1992 ông có cố cho bà Trần Thị T 05 công đất, tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, giá mỗi công là 1,6 chỉ vàng 24k, 05 công là 08 chỉ vàng 24k, nhưng sau đó ông có mượn lại của bà T 01 công đất để thế chấp cho cháu là Nguyễn Thị A, nay ông yêu cầu bà T cho ông chuộc lại 04 công đất còn lại mà ông đã cố cho bà T (theo đo đạc thực tế có diện tích 5.757,2m^2), đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; ông đồng ý trả cho bà T 08 chỉ vàng 24k (hiện nay đất có giá là 40.000.000đ/01 công tầm cấy). Đối với phần đất ông cố cho bà Nguyễn Thị A ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà và ông Trần Văn S trước đây do cha mẹ ruột của bà và ông S cho ông S, đến năm 1993 ông S bán lại cho bà 05 công với giá là 08 chỉ vàng 24k, sau đó ông S có mượn lại của bà 01 công để cố cho Nguyễn Thị A, hiện nay bà còn lại 04 công, phần đất này bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không đồng ý cho ông S chuộc lại, nếu ông S muốn chuộc lại thì phải chuộc theo giá thị trường là 80.000.000đ/01 công tầm cấy (1.296m^2), đối với phần đất 01 công ông S mượn lại của bà để cố cho Nguyễn Thị A bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Bà M thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Trần Văn S, đồng thời xác định vợ

chồng bà không có bán đất cho bà Trần Thị T, mà đất này ông S chỉ cố cho bà Trần Thị T.

Đại diện Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Hiện nay phần nợ của bà Trần Thị T vẫn còn trong hạn nên đề nghị Tòa nhắc nhở đương sự trả nợ đúng kỳ hạn theo hợp đồng.

Lời khai của ông Trần Văn P: Ông P xác định ông có thuê phần đất của bà Trần Thị T đang tranh chấp với ông Trần Văn S, hiện nay ông không còn thuê đất của bà T và đã thanh toán xong tiền thuê đất cho bà T.

Lời khai của ông Trần Văn C: Ông C xác định phần đất tranh chấp giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị T là do bà Trần Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P xác định đất tranh chấp do ông đứng tên thì ông không biết vì giữa ông và bà T không có giao dịch gì liên quan đến phần đất này.

Chị Dương Hồng H xác định khi bà Trần Thị T thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng thì chị là người thừa kế của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 703, 705, 706, 707 và Điều 708 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S. Hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị T. Buộc bà Trần Thị T trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật phải có nghĩa vụ giao cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị M 5.575,2m^2 đất, thuộc thửa 368, 213, tờ bản đồ số 02 (bản đồ chính quy), đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; đất có vị trí và số đo như sau: Hướng Đông giáp đất bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc D, có số đo là 207,5m; Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn C có số đo là 208,6m; Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A có số đo là 26,7m; Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn P có số đo là 28,8m. Buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị T 08 chỉ vàng 24k.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 741789 và BR 741491 tại thửa số 368, 213, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu do ông Trần Văn C và bà Nguyễn Mỹ X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.757,2m^2. Ông Trần Văn S và bà Trần Thị M được kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.757,2m^2 như trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí đo đạc, cung cấp thông tin và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017, bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S, tuyên 04 công đất bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng là của bà T.

Ngày 10 tháng 01 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện P kháng nghị, tại Quyết định kháng nghị số: 07/QĐKNPT-DS, ngày 10/01/2017 sửa một phần bản án sơ thẩm số 70/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện P ra Quyết định số: 195/QĐ-VKS-DS, ngày 26/7/2017 rút toàn bộ kháng nghị số 07 QĐKNPT-DS, ngày 01/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa bà Trần Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát giữ rút toàn bộ kháng nghị.

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của bà Trần Thị T trong quá trình giải quyết vụ án có nhiều mâu thuẫn và không thống nhất giữa lời khai trước và sau. Còn đối với lời khai của nhân chứng mà bà T cung cấp chỉ nghe bà T và bà K (mẹ bà T) nói lại việc bà T có nhận chuyển nhượng đất từ ông S, nhưng không trực tiếp chứng kiến. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà T cũng như lời khai của nhân chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà T đã cung cấp lời khai của các nhân chứng, mặt dù các nhân chứng không trực tiếp chứng kiến giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông S và bà T nhưng các nhân chứng đều trình bày là có biết việc ông S và bà T có xảy ra giao dịch chuyển nhượng đất, điều này trùng khớp với lời khai của bà T cũng như quá trình sử dụng đất từ 1992 đến nay của bà T. Mặt khác, ông S và bà M là vợ chồng nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc ông S có trách nhiệm trả vàng cho bà T mà không buộc bà M cùng có trách nhiệm trả vàng cho bà T là vi phạm tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, hủy án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông S và bà M trả cho bà T 08 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn S và bà Trần Thị T thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ruột của ông Trần Văn S, bà Trần Thị T cho ông Trần Văn S; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S, Hội đồng xét xử, xét thấy: Ông Trần Văn S xác định năm 1992 ông cố cho bà Trần Thị T 05 công đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, giá mỗi công là 1,6 chỉ vàng 24k, 05 công đất bằng 08 chỉ vàng 24k, giao dịch đã thực hiện xong, sau đó ông có mượn lại của bà Trần Thị T 01 công đất để cố cho bà Nguyễn Thị A, nay ông yêu cầu bà Trần Thị T cho ông chuộc lại 04 công đất (theo đo đạc thực tế diện tích 5.757,2m^2) với giá 08 chỉ vàng 24k; để chứng minh cho lời trình bày của mình người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn S yêu cầu Tòa án xác minh đối với bà Lưu Thị L và ông Lê Văn Q, qua xác minh ông Lê Văn Q xác định ông chỉ nghe nói lại việc tranh chấp giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị T, ông không biết giao dịch giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị T là giao dịch cầm cố hay giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bà Lưu Thị L không có ở địa phương nên không xác minh được; ngoài ra ông Trần Văn S không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông.

[3] Bà Trần Thị T xác định giao dịch giữa bà và ông Trần Văn S là giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện nay phần đất tranh chấp bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy bà không đồng ý cho ông Trần Văn S chuộc lại đất, nếu ông Trần Văn S muốn chuộc lại đất thì phải chuộc theo giá thị trường là 80.000.000đ/01 công tầm cấy (1.296m^2). Chứng cứ bà Trần Thị T cung cấp là đơn xác nhận của một số người làm chứng gồm ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Q, bà Trần Ngọc G và bà Trần Kim V (BL 28-32), theo nội dung đơn xác nhận và qua xác minh thì họ xác định ông Trần Văn S có chuyển nhượng cho bà Trần Thị T 05 công tầm cấy đất bằng 08 chỉ vàng 24k, nhưng không trực tiếp chứng kiến việc giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông Trần Văn S và bà Trần Thị T mà chỉ nghe bà Trần Thị T hoặc bà Ngô Kim K (bà K là mẹ ruột của ông S, bà T) nói lại, vì vậy lời khai của ông P, bà Q, bà G là không có đủ cơ sở xác định ông Trần Văn S có chuyển nhượng cho bà Trần Thị T 05 công đất; ngoài lời khai của những người làm chứng thì bà Trần Thị T

không còn chứng cứ nào khác chứng minh ông Trần Văn S chuyển nhượng cho bà 05 công đất.

[4] Xét về quá trình sử dụng đất có căn cứ bà Trần Thị T quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1992 đến nay, trong quá trình sử dụng đất bà T có đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/8/2002, diện tích 6.500m^2, tờ bản đồ số 13, thửa số 0442. Ngày 24/12/2002 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định thu hồi quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T theo hồ sơ xin cấp đổi quyền sử dụng đất của ông Trần Văn C và cấp mới quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C tại thửa 368, 213, tờ bản đồ số 02. Tại C văn số 256/UBND ngày 20/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P xác định phần đất tranh chấp do ông Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp được cấp đổi từ thửa số 0442, tờ bản đồ số 31, cấp đúng thủ tục nhưng không đúng hiện trạng sử dụng đất của ông Trần Văn C. Ông Trần Văn C xác định phần đất tranh chấp là của bà Trần Thị T, còn việc ông đứng tên đối với phần đất tranh chấp thì ông không biết.

[5] Qua xác minh một số người làm chứng có giao dịch chuyển nhượng đất do bà Trần Thị Tám cung cấp tại cấp phúc thẩm gồm: Ông Sơn H xác định ngày 04/8/1995 ông có chuyển nhượng cho ông Hà Văn R diện tích đất là 1,5 công tầm cấy, giá là 01 chỉ 09 năm li vàng 24k; ông Đặng Văn J và bà Trần Thị E xác định ngày 11/6/1994 ông bà có chuyển nhượng đất cho ông Hà Văn L diện tích đất 4,5 công tầm cấy, giá 170 giạ lúa; bà Lê Thị E xác định vợ chồng bà có chuyển nhượng đất cho ông Hà Văn R diện tích đất 05 công, giá là 175 giạ lúa; ông Hà Văn R xác định ông có nhận chuyển chuyển nhượng đất như ông Sơn H xác định và ngày 26/7/1995 ông có nhận chuyển nhượng đất của anh Sơn O diện tích 0,5 công tầm cấy, giá là 06 phân vàng 24k; ông Hà Văn M là Trưởng ban nhân dân ấp thời điểm năm 1995 xác định giá đất chuyển nhượng năm 1995 là 1,2 chỉ vàng 24k/01 công tầm cấy; Tại phiên tòa phúc thẩm bà cũng thừa nhận giá chuyển nhượng đất ở địa phương tại thời điểm giao dịch khoản 1,2 chỉ vàng 24k nhưng do bà M và ông S thiếu nợ bà K nên cố cho bà T 1,6 chỉ vàng 24k cho một công đất là cao hơn so với giá chuyển nhượng. Mặc dù giá tại thời điểm giao dịch tương ứng với giá chuyển nhượng, tuy nhiên nghĩa vụ chứng minh có xảy ra giao dịch chuyển nhượng không thuộc về bà T; những người làm chứng cũng chỉ nghe nói lại bà T chuyển nhượng đất của ông S nhưng không trực tiếp chứng kiến; ngoài ra theo bà T trình bày cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hồ sơ cấp giấy không có chữ ký của ông S. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà T chuyển nhượng đất của ông S, có căn cứ xác định ông S chỉ cố đất cho bà T. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của bà T.

[6] Tại Quyết định bản án sơ thẩm số: 70/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P chỉ buộc một mình ông S phải trả cho

bà T 08 chỉ vàng 24k; tại phiên tòa phúc thẩm bà M tự nguyện cùng với ông S trả vàng đã cố đất cho bà T. Xét thấy, mặt dù việc không tuyên trách nhiệm bà M cùng ông S trả vàng cho bà T là thiếu sót nhưng tại phiên tòa phúc thẩm mà M tự nguyện củng ông S trả vàng cho bà T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà M. Sửa một phần bản án sơ thẩm để bổ sung phần này. Đối với việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhận dân huyện P là đúng quy định pháp luật Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[7] Do phần đất tranh chấp hiện nay do ông Trần Văn C và bà Nguyễn Mỹ X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 741789, BR 741491, tại thửa số 368, 213, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; do đó cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông Trần Văn C và bà Nguyễn Mỹ X để cấp lại cho ông Trần Văn S theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[10] Án phí phúc thẩm bà Trần Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 703, 705, 706, 707 và Điều 708 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T về việc yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 70/2016/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc tuyên bổ sung trách nhiệm của bà M cùng có trách nhiệm trả vàng cho bà T

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đối với yêu cầu bà Trần Thị T cho chuộc lại phần đất diện tích 5.575,2m^2 . Buộc bà Trần Thị T giao trả cho ông Trần Văn S bà Trần Thị M phần đất diện tích 5.575,2m^2 đất thuộc thửa

368, 213, tờ bản đồ số 02 (bản đồ chính quy), đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc D, có số đo là 207,5m;

Hướng Tây giáp đất ông Trần Văn C có số đo là 208,6m;

Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị A có số đo là 26,7m;

Hướng Bắc giáp đất ông Trần Văn P có số đo là 28,8m.

Buộc ông Trần Văn S và bà Trần Thị M có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị T 08 chỉ vàng 24k.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 741789 và BR 741491 tại thửa số 368, 213, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Trần Văn C và bà Nguyễn Mỹ X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.757,2m^2. Ông Trần Văn S được quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 5.757,2m^2 như trên.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số: 07/QĐKNPT-DS, ngày 10/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về chi phí đo đạc, cung cấp thông tin đất đai là 700.000đ, bà Trần Thị T phải chịu toàn bộ, ông Trần Văn Văn S đã nộp xong. Buộc bà Trần Thị T phải nộp 700.000đ để hoàn trả cho ông Trần Văn S.

5. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

- Án phí sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Bà Trần Thị T phải chịu 200.000đ, ông Trần Văn S đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 494.000đ theo phiếu thu số 004917 ngày 11/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị T không phải chịu. Bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002892 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 200.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND Huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự (09 bản);
- Lưu HS, (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lệ Kiều